

Số: 44/2021/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 06 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020-2024
trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-
UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 quy định về Khung giá đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Văn bản số 626/HĐND-KTNS ngày 30/11/2021 của Thường trực HĐND tỉnh khoá XV về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất 5 năm giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu. Cụ thể:

1. Bổ sung giá đất của một số tuyến đường, đoạn đường phố mới phát sinh hoặc chưa có tên trong Bảng giá đất ở đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị trên địa bàn thành phố Lai Châu và các huyện: Tân Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, Phong Thổ, Mường Tè.

(Có Phụ lục 01 kèm theo)

2. Cập nhật, thay đổi tên của một số tuyến đường, phố trên địa bàn thành phố Lai Châu và thị trấn các huyện: Tân Uyên, Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè.

(Có Phụ lục 02 kèm theo)

3. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản đồ giá đất đối với đất ở tại đô thị, đất thương mại dịch vụ tại đô thị và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
2. Đối với giá đất tại các tuyến đường, phố trong bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu được điều chỉnh tại Quyết định này sẽ hết hiệu lực thi hành khi Quyết định này có hiệu lực. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu.
3. Đối với các tuyến đường, phố đang được đầu tư xây dựng nhưng chưa hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng thì không áp dụng giá đất đã quy định trong bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 do UBND tỉnh ban hành.
4. Các trường hợp kê khai nghĩa vụ tài chính đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TNMT, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy ;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Tung tâm THCB tỉnh;
- Lưu: VT, Th1, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Trọng Hải

BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT CỦA CÁC TUYẾN ĐƯỜNG, PHỐ CHƯA CÓ GIÁ VÀ MỚI PHÁT SINH
(Kèm theo Quyết định số: 44/2021/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ						
I.1	THÀNH PHỐ LAI CHÂU						
1	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	900			Chỉ có 1 vị trí
2	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	2,000			
3	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	650	360	260	
4	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	650	360	260	
5	Đường đi UBND xã Sùng Phài cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong	600	300	220	
6	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	600	350	250	
7	Đường ven hồ lãg	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	720	360	260	
8	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Nguyễn Chi Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	720	360	260	
9	Đường nhánh ngõ 226	Tiếp giáp ngõ 226 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 368 đường Trần Hưng Đạo	700	360	260	Bổ sung VT2, VT3
10	Đường ngách 003 ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 226 đường Trần Hưng Đạo	700	360	260	
11	Ngõ 262 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường nhánh ngõ 226	720	360	260	

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)
12	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	720	360	260	
13	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tường	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	1,100			
14	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	600	320	260	
I.2	HUYỆN TÂN UYÊN						
1	Đường tám xung quanh sân vận động huyện Tân Uyên	Đầu đường	Cuối đường	760			Chỉ có 1 vị trí
2	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn			160			
I.3	HUYỆN TAM ĐƯỜNG						
1	Khu D, đường số 8 khu Trung tâm hành chính giáo dục	Đầu đường	Cuối đường	1,000			Chỉ có 1 vị trí
2	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	380	300	250	
3	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	250	220	200	
4	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	380	300	250	
5	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	250	220	200	
6	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	380	300	250	
7	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	250	220	200	
8	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	300			Chỉ có 1 vị trí
9	Đường Bế Văn Đàn	Đầu đường	Cuối đường	150			Chỉ có 1 vị trí
10	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	550			Chỉ có 1 vị trí

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)
11	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	700			Chỉ có 1 vị trí
I.4	HUYỆN SİN HỒ						
1	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	300	150	120	
2	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	300	150	120	
I.5	HUYỆN PHONG THỔ						
1	Đường Thanh Niên	Giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu Pa So	1,500			
2	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ)	700	450	280	
I.6	HUYỆN MUỜNG TỀ						
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp đất nhà bà Hoa Anh	Ngã ba đi cầu TĐC khu phố 1	1,400	750	550	Bổ sung VT2, VT3
II	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ						
II.1	THÀNH PHỐ LAI CHÂU						
1	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	630			Chỉ có 1 vị trí
2	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	1,400			
3	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	450	250	182	
4	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	450	250	180	
5	Đường đi UBND xã Sùng Phài cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong	420	210	155	
6	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	420	250	200	

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)
7	Đường ven hồ lầy	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	500	255	180	
8	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	500	255	180	
9	Đường nhánh ngõ 226	Tiếp giáp ngõ 226 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 368 đường Trần Hưng Đạo	490	255	180	Bổ sung VT2, VT3
10	Đường ngách 003 ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 226 đường Trần Hưng Đạo	490	255	180	
11	Ngõ 262 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường nhánh ngõ 226	500	260	180	
12	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	500	265	230	
13	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	770	0	0	
14	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	420	250	203	
II.2 HUYỆN TÂN UYÊN							
1	Đường tám xung quanh sân vận động huyện Tân Uyên	Đầu đường	Cuối đường	530			Chỉ có 1 vị trí
2	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn			110			
II.3 HUYỆN TAM ĐƯỜNG							
1	Khu D, đường số 8 khu Trung tâm hành chính giáo dục	Đầu đường	Cuối đường	700			Chỉ có 1 vị trí
2	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	265	210	175	
3	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	175	155	140	

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	265	210	175	
5	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	175	155	140	
6	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	265	210	175	
7	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	175	155	140	
8	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	210			Chỉ có 1 vị trí
9	Đường Bế Văn Đàn	Đầu đường	Cuối đường	105			Chỉ có 1 vị trí
10	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	385			Chỉ có 1 vị trí
11	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	490			Chỉ có 1 vị trí
II.4	HUYỆN SÌN HỒ						
1	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	210	105	85	
2	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tậy	210	105	85	
II.5	HUYỆN PHONG THỎ						
1	Đường Thanh Niên	Giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu Pa So	1,050			Chỉ có 1 vị trí
2	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ)	490	315	195	
II.6	HUYỆN MUỜNG TÈ						
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp đất nhà bà Hoa Anh	Ngã ba đi cầu TĐC khu phố 1	1,000	525	385	Bổ sung VT2, VT3
III	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT TMDV TẠI ĐÔ THỊ						
III.1	THÀNH PHỐ LAI CHÂU						

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	450			Chỉ có 1 vị trí
2	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	1,000			
3	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	325	180	130	
4	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	325	180	130	
5	Đường đi UBND xã Sùng Phài cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong	300	150	110	
6	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	300	210	145	
7	Đường ven hồ lằng	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	360	180	130	
8	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	360	180	130	
9	Đường nhánh ngõ 226	Tiếp giáp ngõ 226 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 368 đường Trần Hưng Đạo	350	190	130	Bổ sung VT2, VT3
10	Đường ngách 003 ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 226 đường Trần Hưng Đạo	350	180	130	
11	Ngõ 262 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường nhánh ngõ 226	360	190	130	
12	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	360	190	130	
13	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	550			
14	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	300	210	145	
III.2	HUYỆN TÂN UYÊN						

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đường bám xung quanh sân vận động huyện Tân Uyên	Đầu đường	Cuối đường	380			Chỉ có 1 vị trí
2	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn			80			
III.3 HUYỆN TAM ĐƯỜNG							
1	Khu D, đường số 8 khu Trung tâm hành chính giáo dục	Đầu đường	Cuối đường	500			Chỉ có 1 vị trí
2	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	190	150	125	
3	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	125	110	100	
4	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	190	150	125	
5	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	125	110	100	
6	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	190	150	125	
7	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	125	110	100	
8	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	150			Chỉ có 1 vị trí
9	Đường Bế Văn Đàn	Đầu đường	Cuối đường	75			Chỉ có 1 vị trí
10	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	275			Chỉ có 1 vị trí
11	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	350			Chỉ có 1 vị trí
III.4 HUYỆN SÌN HỒ							
1	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	150	75	60	
2	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	150	75	60	
III.5 HUYỆN PHONG THỔ							
1	Đường Thanh Niên	Giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu Pa So	750			

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	
(1)	(2)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ)	350	225	140	
III.6	HUYỆN MUÔNG TÈ						
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp đất nhà bà Hoa Anh	Ngã ba đi cầu TĐC khu phố 1	700	375	275	Bổ sung VT2, VT3

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG, PHỐ HOẶC ĐIỂM ĐẦU, ĐIỂM CUỐI TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT
GIAI ĐOẠN 2020 - 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44/2021/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ									
I.1	THÀNH PHỐ LAI CHÂU									
1	Đường 6-13	Tiếp giáp đường 6-3	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	600			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
2	Đường 6-3 (17,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường số 11	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	1,300			
3	Đường T3 (9,5m)	Tiếp giáp đường Lò Văn Hắc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hắc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1,100			
4	Đường C5	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1,500			
5	Đường 5 - 6 (13,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	1,500			
6	Đường T1	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường T3	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	1,100			
7	Đường T2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường T3	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	1,100			
8	Đường T3	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường T1	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	1,100			
9	Đường T3	Tiếp giáp đường T1	Tiếp giáp đường T2	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	900			
10	Đường số 4 (13,5 m)	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường số 3	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1,100			
11	Đường số 3	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	1,100			
12	Đường T4 (9,5 m)	Tiếp giáp phố Lê Lai	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	1,300			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
13	Đường D1	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	900			
14	Đường TN1 (khu dân cư phía Tây Nam)	Tiếp giáp đường 17	Tiếp giáp đường V3	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	900			Gộp đường TN1 và đường N9 (STT 226)
15	Đường N9 (13,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 17							
16	Đường 6 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1,200	500	350	Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
17	Đường V3 (khu dân cư phía Tây Nam)	Tiếp giáp đường TN1	Tiếp giáp đường 10 - 10	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	900			
18	Đường 1B - 1 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1,100			
19	Đường 8A (13m)	Tiếp giáp đường 6A	Tiếp giáp đường 4A	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp đường quy hoạch 6a	Tiếp giáp đường quy hoạch 4A	1,500			
20	Đường A-1: A-2 (13,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	1,100			
21	Đường B12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	1,100			
22	Đường số 1B-3 (13,5m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	1,100			
23	Đường số 10 (9m)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1,100			
24	Đường số 11 (9m)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1,100			
25	Đường số 18	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10-10	900			
26	Đường số L4	Tiếp giáp đường L2	Tiếp giáp đường R13	Phố Nguyễn Tuân	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	900			Gộp đường 17 và đường N6 (STT 226)
27	Đường số 17	Tiếp giáp đường N6	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	900			
28	Đường N6	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 17							

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
29	Đường vào nhà máy chè	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường	Đường vào nhà máy chè	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp công nhà máy chè	600	420	290	Thay đổi điểm cuối
30	Đường nhánh	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh Đại lý YAMAHA)	Tiếp giáp đường vào nhà máy gạch Tuynel (cũ)	Ngõ 368 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh Đại lý YAMAHA)	Tiếp giáp đường vào nhà máy gạch Tuynel (cũ)	720	380	260	Thay đổi tên ngõ
31	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường 6-13	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1,800			Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
32	Đường A6, A9 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11	Đường A6, A9 (9m)	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	1,100			
33	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường số 10	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	1,100			
34	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	1,500			
35	Phố Trần Quốc Toàn	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	Phố Trần Quốc Toàn	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1,500			
36	Phố Nguyễn Tri Phương	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	Phố Nguyễn Tri Phương	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1,500			
37	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường 5C	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	2,800			
38	Đường quy hoạch (13,5m sau Ngân hàng Công thương)	Tiếp giáp đường 28-06	Tiếp giáp đường 5C	Đường T1	Tiếp giáp đường 28-06	Tiếp giáp phố Thành Công	1,500			
39	Phố Cao Bá Quát (Đường T1-13,5m)	Tiếp giáp đường T3 (9,5m)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Phố Cao Bá Quát (Đường T1-13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đa	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1,500			
40	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp đường 6-3	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1,100			
41	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp đường 6-3	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1,100			
42	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường 6-6	Tiếp giáp đường 6-8	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	720	360	260	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
43	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường số 3	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1,600			
44	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp đường số 4 (13,5m)	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiền Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	900			
45	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường N6	Tiếp giáp đường N9	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	900			
46	Đường V1 (13,5m)	Tiếp giáp đường số 17	Tiếp giáp đường N2	Đường V1 (13,5m)	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp đường N2	900			
47	Đường N2 (13,5m)	Tiếp giáp đường N4	Tiếp giáp đường TN1	Đường N2 (13,5m)	Tiếp giáp đường N4	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	900			
48	Đường N3	Tiếp giáp đường số 17	Tiếp giáp đường N2	Đường N3	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp đường N2	900			
49	Đường T2 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường T6	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1,300			
50	Đường T6 (9,5m)	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	1,300			
51	Đường N5 (11,5m)	Tiếp giáp đường D7	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Phố Nguyễn Văn Hiến	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	1,300			
52	Đường D7 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1,600			
53	Đường số 5-8 (11,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1,500			
54	Đường số 5-9 (11,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1,500			
55	Đường số 5-4 (11,5m)	Tiếp giáp Phố Mường Khe	Tiếp giáp phố Hương Phong	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Khe	Tiếp giáp phố Hương Phong	1,300			
56	Đường 11A (11,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Phố Nguyễn Văn Tổ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1,300			
57	Đường 7A (24m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	2,000			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
58	Đường 3A (9m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1,500			Thay đổi tên đường
59	Đường 6A (13,5m)	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	1,500			
60	Đường nhánh số 1	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường số 9 (Đôi diện Công an tỉnh)	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	800			
61	Đường số 9 (Đôi diện Công an tỉnh)	Tiếp giáp đường nhánh số 1	Tiếp giáp đường Trường Chinh				900			
62	Đường A18	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	Phố Nguyễn Huy Tường	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1,100			
63	Đường A12 (9m)	Tiếp giáp đường A2	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	Phố Mạc Đình Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1,100			
64	Đường A13 (9m)	Tiếp giáp đường A2	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1,100			
65	Đường A2 (Khu dân cư 1B)	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	1,100			
66	Đường 13,5m mới	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp tuyến số 2	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	900			
67	Tuyến số 2	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài 122m	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng				900			
68	Tuyến số 2	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	900			
69	Đường A6 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	1,100			
70	Đường A9 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	1,100			
71	Đường N4 (13m)	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường D3	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp phố Nguyễn Thiện Thuật	1,500	530	330	
72	Đường D11 (13m)	Tiếp giáp đường N10	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	1,500			
73	Đường số 9 (13,5)	Tiếp giáp đường N16	Tiếp giáp đường D13A	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	1,300			

Thay đổi tên đường

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
74	Đường N9 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	1,500			
75	Đường N10 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	1,500			
76	Đường V3 (5m)	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	1,300			
77	Đường D3 (13m)	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường N5	Phố Nguyễn Thiện Thuật	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Trần Cao Vân	1,500	530	330	
78	Đường D4 (13m)	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường N4	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp phố Lê Văn Thiêm	1,500			
79	Đường N5 (13m)	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường D4	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	1,500	530	330	
80	Đường N3 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	1,800			
81	Phố Nguyễn Phong Sắc	Tiếp giáp đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp tuyến số 2	Phố Nguyễn Phong Sắc	Tiếp giáp đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	900			
82	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp Đường 5-8	Tiếp giáp Đường 5-9	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	1,500			
83	Đường 8A (13m)	Tiếp giáp đường 6A	Tiếp giáp đường 4A	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xu	Tiếp giáp đường 4A	1,500			Thay đổi tên đường
84	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp đường 3A	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1,700			Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
85	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp đường D7	Tiếp giáp đường N5	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiến	1,300			
86	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường V3	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	1,500			
87	Phố Trương Định	Tiếp giáp đường V3	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1,300			
88	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường V3	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	1,300			
89	Đường nhánh số 2,3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường số 9 (Đối diện Công an tỉnh)	Đường nhánh số 2,3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	800			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
90	Đường Lò Văn Hạc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường T3 (9,5m)	Đường Lò Văn Hạc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	1,600			
1.2	HUYỆN TÂN UYÊN									
1	Đường nhánh Quốc lộ 32	Đoạn rẽ vào nhà thi đấu thể thao	Đến cổng Bệnh viện mới	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	1,100	600	460	Thay đổi tên đường, điểm cuối
2	Quốc lộ 32	Phía Bắc cầu Huổi Chằng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chằng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	3,000	1,800	1,500	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
3	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	2,200	1,400	1,100	
4	Quốc lộ 32	Phía Nam cầu Huổi Chằng Nọi	Hết ranh giới đất Chi cục thuế	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chằng Nọi	Hết ranh giới đất Chi cục thuế	2,300	1,400	1,100	
5	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất Chi cục thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Thân Thuộc)	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Chi cục thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Thân Thuộc)	2,200	1,400	1,100	Thay đổi tên đường
6	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn (Giáp xã Phúc Khoa)	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn (Giáp xã Phúc Khoa)	850	520	410	
7	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Ngã tư điểm trường mầm non khu 21	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	850	520	410	
8	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	850	520	410	
9	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ đi Trường mầm non Phương Trang	Tiếp giáp đường nội thị	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	850	520	410	
10	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Cầu qua suối đi Nà Ban	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	700	480	310	
11	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ từ Bưu điện	Tiếp giáp đường Bệnh viện mới	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	760	520	330	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
12	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Công nghĩa trang nhân dân	Phố Vũ A Dinh	Đường Lê Lợi (Km381+990)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên	700	480	310	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
				Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên	Công nghĩa trang nhân dân	700	480	310	
13	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 32)	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tò dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	760	470	310	
14	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tò dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	760	470	310	
				Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tò dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	760	470	310	
15	Nhánh Quốc lộ 32	Trụ sở tạm và nhà công vụ huyện Tân Uyên	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	580	390	270	
16	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	550	370	260	
17	Đường nội thị	Tiếp giáp Quốc lộ 32 (Đổi diện trường THCS thị trấn Tân Uyên)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tò dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	850	520	410	
18	Đường nhánh nội thị	Ngã tư điểm trường mầm non khu 21	Cuối đường bê tông khu 17	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	460	370	240	
19	Đường nhánh nội thị còn lại	Tiếp giáp đường nội thị	Cuối đường	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	400	280	210	Thay đổi tên đường
				Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung đô thị Thị trấn Tân Uyên	400	280	210	
				Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	400	280	210	
20	Đường xung quanh			Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1,500			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
20	Chợ			Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1,500			
21	Các tổ: 1, 3, 7			Phố Lương Đình Cua	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	410	230	180	
22	Nhánh Quốc lộ 32	Chi cục thuế huyện đi bờ hồ	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT Nội trú huyện	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	1,000			
23	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ đi Trường mầm non số 01	Tiếp giáp trường THPT Nội trú huyện	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú huyện	1,000			
24	Nhánh Quốc lộ 32	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông huyện	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyến)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông huyện	1,000			
25	Nhánh Quốc lộ 32	Công an huyện	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê huyện	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê huyện	1,000			
26	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện			Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	790			
				Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	790			
				Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	790			
				Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	790			
L3	HUYỆN TAM ĐƯỜNG									
1	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Ngã 3 Công an thị trấn	Ngã 3 đường đi Bàn Hòn, Khun Há	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Đình Cua	2,100	460	310	
2	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Tiếp giáp ngã 3 đường đi Bàn Hòn, Khun Há	Hết ngã 3 đường 36m vào TTHC huyện	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Đình Cua	Tiếp giáp đường 21/9	2,200	540	300	
3	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Ngã 3 đường 36m vào TTHC huyện	Hết cầu Mường Cầu	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cầu	1,600	380	230	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Tiếp giáp đầu cầu Mường Cầu	Hết cầu Tiên Bình	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mường Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	760	230	150	
5	Đường lên thác Tắc Tinh	Ngã 3 giáp quốc lộ 4D	Hết địa phận nhà máy nước	Đường Tắc Tinh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	810	230	150	
6	Đường nội thị	Ngã 3 giáp quốc lộ 4D cũ đi Bàn Hon, Khun Há + 500m	Ngã 3 đường vào bản Nà Đôn	Đường Lương Định Của	Đầu đường	Cuối đường	780	230	150	
7	Đường 36m vào trung tâm hành chính, chính trị huyện	Tiếp giáp quốc lộ 4D cũ	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	2,500	540	310	
8	Đường 36 m	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	1,100	300	230	
9	Đường 36 m	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường số 6	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1,800	520	240	
10	Đường 36m	Tiếp giáp đường số 6	Hết ngã 4 đường 36	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	2,400	540	260	
11	Đường 36m	Tiếp giáp ngã 4 đường 36	Tiếp giáp ngã 3 quốc lộ 4D cũ (CATT)	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	2,400	540	260	
12	Đường 36m	Tiếp giáp ngã 3 quốc lộ 4D cũ (CATT)	Hết địa phận thị trấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn	2,300	540	260	
13	Đường 11,5m	Hết khu TĐC Thác Cạn cũ	Ngã ba bản Bình Luông	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	750			
14	Đường 11,5m	Hết khu TĐC Thác Cạn cũ	Ngã ba bản Bình Luông	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	750			
15	Đường 11,5m	Hết khu TĐC Thác Cạn cũ	Ngã ba bản Bình Luông	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tinh	750			
16	Đường 20,5m khu TĐC Thác Cạn	Đầu đường	Cuối đường	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	1,200			
17	Đường 20,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	1,400			
18	Đường 20,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	1,400			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
19	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	1,200			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
20	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1,200			
21	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1,200			
22	Đường 13,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	1,100			
23	Đường 11m (khu TTHC huyện)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	990			
24	Đường 11m khu TĐC công an huyện	Đầu đường	Cuối đường	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	510			
25	Đường số 6 (15,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1,100	300	180	
26	Đường số 7 (15,5m)	Tiếp giáp Quốc lộ 4D	Tiếp giáp đường 36m tránh 4D	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1,300	330	180	
27	Đường 11,5 m	Khu tái định cư Sân vận động huyện	Khu tái định cư Công an huyện	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	480			
28	Đường số 8	Tiếp giáp đường số 7	Nhánh rẽ xuống chợ Bình Lư	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	1,100			
29	Đường nội thị	Đoạn giáp đường xuống Đội thuế liên xã thị trấn	Tiếp giáp đường 36m	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	1,100			
30	Đường nội thị (khu F5,F6)			Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1,400			
31	Đường 6A (11 m)	Tiếp giáp đường 36 m (Khu công ty Đất hiếm)	Tiếp giáp đường số 5 khu TTHC	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1,200			
32	Đường nội thị (Đoạn đường xuống Đội thuế cũ liên xã thị trấn)	Tiếp giáp đường 8 (Khu TTMT)	Tiếp giáp đường 4D cũ	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	1,100	400	320	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
33	Đường nội thị khu trung tâm thương mại huyện (Khu F8)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	2,000			
34	Đường nội thị khu trung tâm thương mại huyện (Khu F9)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	2,200			
35	Đường nội thị khu trung tâm thương mại huyện (Khu F12)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	2,200			
36	Đường số 7 khu TTHC GD huyện	Tiếp giáp đường 36m (khu nhà ông Tuyền)	Tiếp giáp đường 11,5 m lên bản Bình Luông	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Tác Tĩnh	830	240	150	
37	Đường số 8 khu TTHC GD huyện	Tiếp giáp đường 36m vào khu TTHC-CT	Tiếp giáp đường số 6(15,5 m)	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	2,000	520	310	
38	Đường số 9 khu TTHC GD huyện (Tiếp giáp đường lên thác Tác Tĩnh)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tĩnh	Phố Tổ Hữu	530	210	150	
39	Đường số 9 khu TTHC GD huyện (Tiếp giáp đường lên thác Tác Tĩnh)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Tổ Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tĩnh	530	210	150	
40	Đường nội thị 11,5m (Khu tái định cư Hồ thủy lợi và nuôi trồng thủy sản Cò Lả)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1,300			
1.4	HUYỆN SÌN HỒ									

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đường nội thị	Ranh giới đất trường mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	Không đổi	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khánh	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	340	180	130	Thay đổi điểm cuối
2	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Khoa - Viễn	Hết cổng trường THCS thị trấn	Không đổi	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS thị trấn	470	240	150	
3	Đường nội thị giáp dân nhà phía tây chợ	Ranh giới đất nhà ông Võ - Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Ngọt - Lê	Không đổi	Ranh giới đất nhà ông Võ - Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Dinh - Cáp	540	300	170	
4	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Châu	Tiếp giáp đường B1 GĐ 2	Phố Chu Văn An	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	740	360	230	Thay đổi tên đường, điểm đầu, điểm cuối
5	Đường nội thị	Ranh giới đất trường mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Khoa - Viễn	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	740	380	250	Thay đổi tên đường
6	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	1,200	720	300	
7	Đường nội thị	Cổng phòng Tài chính	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	1,200	720	300	
				Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	1,200	720	300	
8	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Lai	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Lai	960	460	250	
9	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC huyện	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC huyện	960	460	250	
10	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	960	460	250	
11	Đường nội thị	Cổng phòng Tài chính qua Chi cục Thuế huyện	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Phố Vũ A Dinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	740	380	250	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
12	Đường nội thị	Công trường PTDT Nội trú huyện	Tiếp giáp công Bệnh viện	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện huyện)	740	380	250	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
				Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Công trường PTDT Nội trú huyện	740	380	250	
13	Đường lên Huyện đội	Ranh giới đất khu tập thể Ngân hàng NN-PTNT	Hết ranh giới đất nhà ông Đình	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Đình	400	250	150	Thay đổi tên đường
14	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐTC huyện	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐTC huyện	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	540	300	170	
15	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất ông Long-Thanh	Tiếp giáp đường B1-giai đoạn 2	Phố Bể Văn Đán	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	590	320	180	
16	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ba	Tiếp giáp đường B1-giai đoạn 1	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đổi diện chợ cũ)	540	300	170	
17	Đường B1 GĐ 1	Tiếp giáp ranh giới đất Khách sạn Thanh Bình	Hết công Bệnh viện	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết công Bệnh viện	940	620	340	
18	Đường B1 GĐ 2	Tiếp giáp công Bệnh viện	Tiếp giáp ngã 4 đường đi Hoàng Hồ	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp công Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	810	420	290	
19	Đường B1 GĐ 2	Ngã tư đường đi Hoàng Hồ	Tiếp giáp tỉnh lộ 128	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	740	360	230	
20	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Tiếp giáp đường vành đai	Phố Vũ A Đình	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	560	310	170	
21	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Xuân	Tiếp giáp Trạm điện (cũ)	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	540	300	170	
22	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Từ	Hết ranh giới đất nhà ông Triều-Sỏi	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Từ	Hết ranh giới đất nhà ông Triều-Sỏi	480	240	150	
23	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Triều-Sỏi	Hết ranh giới đất kho mìn Nông nghiệp	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Triều-Sỏi	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)	420	220	140	
24	Đường nội thị	Ngã 4 đường đi Hoàng Hồ (Tiếp giáp đường B1 giai đoạn 2)	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đường đi bản Hoàng Hồ)	Phố Bể Văn Đán	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (Đầu cầu Hoàng Hồ)	480	230	150	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
25	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai	Tiếp giáp ngã 3 đường lên Trung tâm GDTX huyện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba đường vào xã Tả Phìn)	400	220	140	
26	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Sun-Hà	Tiếp giáp đường vành đai	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	340	180	130	
27	Đường vành đai	Tiếp giáp tỉnh lộ 129	Tiếp giáp tỉnh lộ 128	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Lai Châu)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chăn Nưa)	320	180	120	
28	Đường nội thị	Tiếp giáp đường B1 giai đoạn I	Hết bản Sin Hồ Vây	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sin Hồ Vây	340	180	130	
29	Đường nội thị	Tiếp giáp đường B1 giai đoạn I	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	940	620	340	
30	Đường Hạ tầng du lịch	Trạm Y tế	Đường Vành đai	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	320	180	120	
31	Đường Hạ tầng du lịch	Trạm Y tế	Đường Vành đai	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	320	180	120	
1.5 HUYỆN PHONG THỎ										
1	Quốc lộ 4D	Đoạn từ Km0	Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	Đường Điện Biên Phủ	Đoạn từ Km0	Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	2,400			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND
2	Quốc lộ 4D	Đoạn từ Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	Km1+600	Đường Điện Biên Phủ	Đoạn từ Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	Km1+600	2,000	1,300		
3	Quốc lộ 12	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	1,100	510	280	
4	Quốc lộ 12	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	1,800			
5	Quốc lộ 12	Từ cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	Đường Điện Biên Phủ	Từ cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	2,500			
6	Quốc lộ 12	Từ Km 20+200	Km21 (Hết bệnh viện)	Đường Điện Biên Phủ	Từ Km 20+200	Km21 (Hết bệnh viện)	2,000	1,300	530	

Thay đổi
tên đường
theo Nghị
quyết số
13/2020/N
Q-HĐND
ngày
10/7/2020
của HĐND

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7	Quốc lộ 12	Từ Km 21	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ)	Đường Điện Biên Phủ	Từ Km21	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ)	1,200	520	260	thm
	Khu dân cư phía Nam									
8	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Phố Bể Văn Đàn	Đường Điện Biên Phủ	Đường Điện Biên Phủ	1,600			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
9	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	- Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1,600			
10	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	- Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1,600			
11	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	- Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1,600			
12	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Chương	Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1,600			
13	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1,600			
14	Đường nội thị dãy 2	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1,300			
15	Đường nội thị dãy 3	Đầu đường	Cuối đường	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1,300			
16	Đường nội thị dãy 3	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	Đầu đường	Cuối đường	1,100			
	Khu dân cư phía Bắc									
17	Đường nội thị (9,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Đầu đường	Cuối đường	1,500			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
18	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Tô Vĩnh Diện	Đầu đường Đường Võ Nguyên Giáp	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp	1,500			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
19	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Trần Can	Đầu đường Đường Võ Nguyên Giáp	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp	1,500			
20	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Phan Đình Giót	Phố Trần Can	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp (giáp cầu Hòa Bình)	1,500			
21	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Thanh Niên	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp (giáp cầu Hòa Bình)	Cầu Pa So	1,500			
22	Đường nội thị (20,5m và 22,5m)	Cầu Pa So	Cầu nội thị mới	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	2,000			
23	Đường nội thị (11,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Nguyên Giáp	1,500			
24	Đường nội thị (11,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Nguyên Giáp	1,500			
25	Đường nội thị (Khu vực trường nội trú)	Tiếp giáp QL 12 (huyện dôi)	Tiếp giáp QL 12 (Công an huyện)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12 (huyện dôi)	Tiếp giáp QL12 (Công an huyện)	1,100			
L6	HUYỆN NẬM NHÙN									
1	Tỉnh lộ 127	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Hết cầu Nậm Dòn	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Hết cầu Nậm Dòn	360	250	180	
2	Tỉnh lộ 127	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường 36 m	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	440	320	210	
3	Tỉnh lộ 127	Tiếp giáp đường 36 m	Hết cầu Nậm Hàng	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Hết cầu Nậm Hàng	600	500	300	
4	Tỉnh lộ 127	Hết cầu Nậm Hàng	Hết cầu Nậm Nhùn	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	600	500	300	
5	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Ngã ba đầu cầu Nậm Nhùn đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng (đi huyện Mường Tè)	340	240	170	
6	Đường nội thị	Ngã ba đầu cầu Nậm Nhùn đi bản Noong Kiêng	Ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	300	200	160	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7	Đường nội thị	Ngã ba di bản Noong Kiêng, Nậm Cầy	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bể Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng (đi bản Nậm Cầy)	300	230	170	Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
8	Đường nội thị	Ngã ba di bản Nậm Hàng	Tiếp giáp địa phận bản Nậm Hàng	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	340	240	200	
9	Đường nội thị	Ngã ba di bản Noong Kiêng, Nậm Cầy	Hết nhà văn hóa bản Noong Kiêng	Đường Bể Văn Đàn	Giáp ngã ba di bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	220	180	130	
10	Đường 36	Từ nhà Ông Vàng Văn Tiến	Tiếp giáp đất ông Hoàng Ngọc Khai	Đường Lê Thái Tổ	Từ Nhà ông Vàng Văn Tiến	Tiếp giáp đất ông Hoàng Ngọc Khai	600	500	300	
11	Đường 36	Cổng trường THPT	Khu trung tâm hành chính huyện	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính huyện	600	500	300	
12	Đường Càng nghiêng	Tiếp giáp tỉnh lộ 127 (nhà ông Lê Hồng Chiến)	Đường bến cang nghiêng	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cang nghiêng	240	170	140	
13	Đường Càng nghiêng	Đường bến cang nghiêng	Tiếp giáp ngã 3 đường 127 (Gần đầu cầu Nậm Nhùn)	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cang nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	230	150	140	
14	Đường D1	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	900	720	540	
15	Đường D2	Tiếp giáp đường nội thị N1	Tiếp giáp đường 36 m	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	750	600	450	
16	Đường D3	Đầu đường	Cuối đường	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	620	450	330	
17	Đường nội thị N5	Nhà nghỉ Phương Huyền	Phan Văn Cốc	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	680	540	410	
18	Đường nội thị	Từ sau nhà văn hóa bản Pa Kéo 1	Sau nhà nghỉ Phương Huyền	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phương Huyền	680	540	410	
19	Đường nội thị	Tiếp giáp đường D3	Sau trường THCS	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn	680	540	410	
20	Đường nội thị	Tiếp giáp tỉnh lộ 127	Đến qua ĐTH + 500m	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua dải truyền hình +500m	340	240	200	
21	Đường nội thị	Cầu Nậm Nhùn	Cầu Nậm Manh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	300	200	160	
22	Đường nội thị	Cầu Nậm Manh	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh	230	150	140	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
23	Đường nội thị N1	Tiếp giáp đường 36 m	Cầu Nậm Bắc	Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	750	600	450	
L.7	HUYỆN MUỜNG TÈ									
1	Đường nội thị (QL 4H)	Cầu Muờng Tè 1	Nhà ông Sung Giang	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bên xe khách huyện	1,100	600	430	Thay đổi tên đường, điểm đầu, điểm cuối STT 01
2	Đường nội thị (QL 4H)	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bên xe khách huyện	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Muờng Tè 1	Nhà ông Sung Giang	900	550	470	Thay đổi tên đường, điểm đầu, điểm cuối STT 02
3	Đường nội thị (QL4H)	Tiếp giáp bên xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bên xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	900	550	470	Thay đổi tên đường
4	Đường nội thị (QL4H)	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa	750	500	450	
5	Đường nội thị (QL4H)	Nhà ông Quang Thiệu	Hết nhả ông Linh	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiệu	Hết nhả ông Linh	1,000	570	450	
6	Đường nội thị	Ngã tư khu phố 8	Hết ranh giới công ty Thương Mai	Đường Chu Văn An	Giao với đườngĐiện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mai	1,000	570	450	
7	Đường nội thị	Ngã tư khu phố 8	Trụ sở UBND huyện	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	1,000	570	450	
8	Đường nội thị	Sau Công ty THHH MTV số 15	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Phú	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	1,000	570	450	
9	Đường nội thị	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã ba Bến xe khách	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	1,000	570	450	
				Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	1,000	570	450	
10	Đường nội thị (OL4H)	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiệu	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiệu	1,000	570	450	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
11	Đường nội thị	Sau công ty Thương Mai	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	750	500	450	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
12	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Dũng Hạnh	Đền bờ kè tam cấp	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đền bờ kè tam cấp	750	500	450	
13	Đường vòng qua Đảo	Tiếp giáp với công ty Thương Mai	Tiếp giáp Đài truyền hình	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mai	Tiếp giáp Đài truyền hình	950	550	450	Thay đổi tên đường
14	Đường nội thị	Phía sau cây xăng Bảo Toàn	Trước cửa nhà ông Đại	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	750	500	450	
15	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Bắc	Hết ranh giới đất TTGDTX huyện	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX huyện	750	500	450	
16	Đường nội thị	Ranh giới đất NH chính sách	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự huyện	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự huyện	750	500	450	
17	Đường nội thị	Phía sau Công ty Thương Mai	Hết gianh giới nhà ông Sách	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa khu 2	750	500	450	
18	Đường nội thị	Phía sau nhà bà Gấm	tiếp giáp Trung tâm dạy nghề	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	750	500	450	
19	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Hải	Hết ranh giới đất nhà VH khu 5	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH khu phố 3	750	500	450	
20	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Phà	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Po	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	750	500	450	
21	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Phong- Thủy	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn	750	500	450	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
				Đường nội thị	Trường THCS thị trấn	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	750	500	450	
22	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Lưu Dung	Hết ranh giới đất Trạm BVTV (cũ)	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	750	500	450	
23	Đường nội thị	Phía sau nhà bà Vin	Hết ranh giới đất Quán phố mới	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	600			
24	Đường nội thị	Giáp vị trí 1 đường đôi	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu	600			Thay đổi tên đường
25	Đường nội thị (đường giáp núi)	Ngã ba giáp khu TĐC phía Đông Nam thị trấn	Ngã ba đi trung tâm xã Vang San	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	600			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
26	Đường nội thị	Tiếp giáp cầu Năm Cầu	Tiếp giáp NVH khu phố 12	Đường nội thị	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp NVH khu phố 12	1,100	600	480	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
27	Đường nội thị (Đường giáp núi)	Ngã ba giáp khu TĐC phía Đông Nam thị trấn	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	600	450	360	
28	Đường nội thị	Đầu cầu TĐC khu phố 1	Hết ranh giới trường tiểu học (Khu 11)	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn)	1,000	570	470	
29	Đường 32m	Giáp đất nhà bà Hoa Anh	Ngã ba đi cầu TĐC khu phố 1	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa-Anh)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	1,400			
30	Đường nội thị	Ngã ba cầu Mường Tè 1	Trung tâm y tế huyện	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế huyện	750	500	450	Thay đổi tên đường
31	Đường nội thị (Khu tái định cư đồng nam thị trấn)	Từ nhà ông Phiến	Ngã ba đi Vàng San	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	1,300	700	550	
32	Đường nội thị (Khu tái định cư đồng nam thị trấn)	Ngã ba phía sau nhà ông Thọ	Hết đất nhà bà Châm	Phố Cù Chính Lan	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	1,300	700	550	
33	Đường nội thị nhánh B2, B3, B4; nhánh 6 (Khu tái định cư thị trấn)	Ngã tư từ nhà ông Hà	Ngã ba hết đất nhà ông Thảo	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1,200	650	520	
34	Đường nội thị nhánh 1 (Khu tái định cư thị trấn)	Ngã ba Ban quản lý rừng phòng hộ trung tâm	Hết đất Công ty THHH MTV số 15	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1,400	740	550	
35	Đường nội thị			Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	1,000	570	450	
II	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ									
II.1	THÀNH PHỐ LAI CHÂU									

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú	
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3		
		Từ	đến		Từ	đến					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
1	Đường 6-13	Tiếp giáp đường 6-3	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	420			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh	
2	Đường 6-3 (17,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường số 11	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	910				
3	Đường T3 (9,5m)	Tiếp giáp đường Lò Văn Hắc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hắc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	770				
4	Đường C5	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1,100				
5	Đường 5 - 6 (13,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	1,100				
6	Đường T1	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường T3	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	770				
7	Đường T2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường T3	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	770				
8	Đường T3	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường T1	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	770				
9	Đường T3	Tiếp giáp đường T1	Tiếp giáp đường T2	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	630				
10	Đường số 4 (13,5 m)	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường số 3	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	770				
11	Đường số 3	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	770				
12	Đường T4 (9,5 m)	Tiếp giáp phố Lê Lai	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	910				
13	Đường D1	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	630				
14	Đường TN1 (khu dân cư phía Tây Nam)	Tiếp giáp đường 17	Tiếp giáp đường V3	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	630				Gộp đường TN1 và đường N9 (STT 226)
15	Đường N9 (13,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 17								
16	Đường 6 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	840	350	250		

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
17	Đường V3 (khu dân cư phía Tây Nam)	Tiếp giáp đường TN1	Tiếp giáp đường 10 - 10	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	630			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
18	Đường 1B - 1 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	770			
19	Đường 8A (13m)	Tiếp giáp đường 6A	Tiếp giáp đường 4A	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp đường quy hoạch 6a	Tiếp giáp đường quy hoạch 4A	1,100			
20	Đường A-1: A-2 (13,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	770			
21	Đường B12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	770			
22	Đường số 1B-3 (13,5m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	770			
23	Đường số 10 (9m)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	770			
24	Đường số 11 (9m)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	770			
25	Đường số 18	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10-10	630			
26	Đường số L4	Tiếp giáp đường L2	Tiếp giáp đường R13	Phố Nguyễn Tuấn	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	630			
27	Đường số 17	Tiếp giáp đường N6	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	630			Gộp đường 17 và đường N6 (STT 226)
28	Đường N6	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 17							
29	Đường vào nhà máy chè	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường	Đường vào nhà máy chè	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp cổng nhà máy chè	420	290	200	Thay đổi điểm cuối
30	Đường nhánh	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh Đại lý YAMAHA)	Tiếp giáp đường vào nhà máy gạch Tuynel (cũ)	Ngõ 368 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh Đại lý YAMAHA)	Tiếp giáp đường vào nhà máy gạch Tuynel (cũ)	500	270	180	Thay đổi tên ngõ
31	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường 6-13	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1,300			
32	Đường A6, A9 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11	Đường A6, A9 (9m)	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	770			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
33	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường số 10	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	770			Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
34	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	1,100			
35	Phố Trần Quốc Toàn	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	Phố Trần Quốc Toàn	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1,100			
36	Phố Nguyễn Tri Phương	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	Phố Nguyễn Tri Phương	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1,100			
37	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường 5C	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	2,000			
38	Đường quy hoạch (13,5m sau Ngân hàng Công thương)	Tiếp giáp đường 28-06	Tiếp giáp đường 5C	Đường T1	Tiếp giáp đường 28-06	Tiếp giáp phố Thành Công	1,100			
39	Phố Cao Bá Quát (Đường T1-13,5m)	Tiếp giáp đường T3 (9,5m)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Phố Cao Bá Quát (Đường T1-13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1,100			
40	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp đường 6-3	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	770			
41	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp đường 6-3	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	770			
42	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường 6-6	Tiếp giáp đường 6-8	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	500	250	180	
43	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường số 3	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1,100			
44	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp đường số 4 (13,5m)	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiên Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	630			
45	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường N6	Tiếp giáp đường N9	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	630			
46	Đường V1 (13,5m)	Tiếp giáp đường số 17	Tiếp giáp đường N2	Đường V1 (13,5m)	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp đường N2	630			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
47	Đường N2 (13,5m)	Tiếp giáp đường N4	Tiếp giáp đường TN1	Đường N2 (13,5m)	Tiếp giáp đường N4	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	630			
48	Đường N3	Tiếp giáp đường số 17	Tiếp giáp đường N2	Đường N3	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp đường N2	630			
49	Đường T2 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường T6	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị E	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	910			
50	Đường T6 (9,5m)	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	910			
51	Đường N5 (11,5m)	Tiếp giáp đường D7	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Phố Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	910			
52	Đường D7 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1,100			
53	Đường số 5-8 (11,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1,100			
54	Đường số 5-9 (11,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1,100			
55	Đường số 5-4 (11,5m)	Tiếp giáp Phố Mường K	Tiếp giáp phố Hương Phong	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường K	Tiếp giáp phố Hương Phong	910			
56	Đường 11A (11,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Phố Nguyễn Văn Tổ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	910			
57	Đường 7A (24m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1,400			
58	Đường 3A (9m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1,100			
59	Đường 6A (13,5m)	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	1,100			
60	Đường nhánh số 1	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường số 9 (Đối diện Công an tỉnh)	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	560			
61	Đường số 9 (Đối diện Công an tỉnh)	Tiếp giáp đường nhánh số 1	Tiếp giáp đường nhánh số 3				630			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
62	Đường A18	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	Phố Nguyễn Huy Tường	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	770			Thay đổi tên đường
63	Đường A12 (9m)	Tiếp giáp đường A2	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	770			
64	Đường A13 (9m)	Tiếp giáp đường A2	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	770			
65	Đường A2 (Khu dân cư 1B)	Tiếp giáp đường Phan H	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	770			
66	Đường 13,5m mới	Tiếp giáp đường Võ Văn	Tiếp giáp tuyến số 2	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	630			
67	Tuyến số 2	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài 122m	Tiếp giáp phố Nguyễn Phong Sắc				630			
68	Tuyến số 2	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí kiên	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí kiên	630			
69	Đường A6 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	770			
70	Đường A9 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	770			
71	Đường N4 (13m)	Tiếp giáp đường Chu V	Tiếp giáp đường D3	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp phố Nguyễn Thiện Thuật	1,100	370	230	
72	Đường D11 (13m)	Tiếp giáp đường N10	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	1,100			
73	Đường số 9 (13,5)	Tiếp giáp đường N16	Tiếp giáp đường D13A	Phố Nam Na	Tiếp giáp Phố Mường Th	Tiếp giáp đường N16	910			
74	Đường N9 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	1,100			
75	Đường N10 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô	1,100			
76	Đường V3 (5m)	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	910			
77	Đường D3 (13m)	Tiếp giáp phố Chiêu Tả	Tiếp giáp đường N5	Phố Nguyễn Thiện Thuật	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Trần Cao Văn	1,100	370	230	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
78	Đường D4 (13m)	Tiếp giáp đường Huỳnh	Tiếp giáp đường N4	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh T	Tiếp giáp phố Lê Văn Thiêm	1,100			
79	Đường N5 (13m)	Tiếp giáp đường Huỳnh	Tiếp giáp đường D4	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh T	Phố Phan Đình Phùng	1,100	370	230	
80	Đường N3 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Q	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Chu Văn	Tiếp giáp đường Ngô Q	1,300			
81	Phố Nguyễn Phong Sắc	Tiếp giáp đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp tuyến số 2	Phố Nguyễn Phong Sắc	Tiếp giáp đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí kiên	630			
82	Đường số 5-12 (13,5	Tiếp giáp Đường 5-8	Tiếp giáp Đường 5-9	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	1,100			Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
83	Đường 8A (13m)	Tiếp giáp đường 6A	Tiếp giáp đường 4A	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xu	Tiếp giáp đường 4A	1,100			Thay đổi tên đường
84	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp đường 3A	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1,200			Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
85	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp đường D7	Tiếp giáp đường N5	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiền	910			
86	Phố Hoàng Công Chát (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Q	Tiếp giáp đường V3	Phố Hoàng Công Chát (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Nguyễn	1,100			
87	Phố Trương Định	Tiếp giáp đường V3	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Ca	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	910			
88	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường V3	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	910			
89	Đường nhánh số 2,3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường số 9 (Đôi diện Công an tỉnh)	Đường nhánh số 2,3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	560			
90	Đường Lò Văn Hạc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường T3 (9,5m	Đường Lò Văn Hạc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	1,100			
II.2	HUYỆN TÂN UYÊN									
1	Đường nhánh Quốc lộ 32	Đoạn rẽ vào nhà thi đấu thể thao	Đến cổng Bệnh viện mới	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	770	420	320	Thay đổi tên đường, điểm cuối

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Quốc lộ 32	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nôi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nôi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	2,100	1,300	1,100	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
3	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	1,500	980	770	
4	Quốc lộ 32	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nôi	Hết ranh giới đất Chi cục thuế	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nôi	Hết ranh giới đất Chi cục thuế	1,600	980	770	Thay đổi tên đường
5	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất Chi cục thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Thân Thuộc)	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Chi cục thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Thân Thuộc)	1,500	980	770	
6	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn (Giáp xã Phúc Khoa)	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn (Giáp xã Phúc Khoa)	600	360	290	
7	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Ngã tư điểm trường mầm non khu 21	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sản vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	600	360	290	
8	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	600	360	290	
9	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ đi Trường mầm non Phương Trang	Tiếp giáp đường nội thị	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	600	360	290	
10	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Cầu qua suối đi Nà Ban	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	490	340	220	
11	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ từ Bưu điện	Tiếp giáp đường Bệnh viện mới	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	530	360	230	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
12	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Công nghĩa trang nhân dân	Phố Vũ A Đình	Đường Lê Lợi (Km381+990)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên	490	340	220	
			Nhánh Quốc lộ 32			Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên	Công nghĩa trang nhân dân	490	340	220
13	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 32)	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	530	330	220	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tô dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	530	330	220	
				Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tô dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	530	330	220	
15	Nhánh Quốc lộ 32	Trụ sở tạm và nhà công vụ huyện Tân Uyên	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	410	270	190	
16	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	390	260	180	
17	Đường nội thị	Tiếp giáp Quốc lộ 32 (Đổi diện trường THCS thị trấn Tân Uyên)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tô dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	600	360	290	
18	Đường nhánh nội thị	Ngã tư điểm trường mầm non khu 21	Cuối đường bê tông khu 17	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	320	260	170	
19	Đường nhánh nội thị còn lại	Tiếp giáp đường nội thị	Cuối đường	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	280	200	150	Thay đổi tên đường
				Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung đô thị Thị trấn Tân Uyên	280	200	150	
				Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	280	200	150	
20	Đường xung quanh Chợ			Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1,100			
				Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1,100			
21	Các tổ: 1, 3, 7			Phố Lương Đình Cua	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	290	160	130	
22	Nhánh Quốc lộ 32	Chi cục thuế huyện đi bờ hồ	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT Nội trú huyện	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	700			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
23	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ đi Trường mầm non số 01	Tiếp giáp trường THPT Nội trú huyện	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú huyện	700			
24	Nhánh Quốc lộ 32	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông huyện	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyến)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông huyện	700			
25	Nhánh Quốc lộ 32	Công an huyện	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê huyện	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê huyện	700			
26	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện			Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	550			
				Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	550			
				Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	550			
				Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	550			
II.3	HUYỆN TAM ĐƯỜNG									
1	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Ngã 3 Công an thị trấn	Ngã 3 đường đi Bàn Hon, Khun Há	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	1,500	320	220	
2	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Tiếp giáp ngã 3 đường đi Bàn Hon, Khun Há	Hết ngã 3 đường 36m vào TTHC huyện	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	1,500	380	210	
3	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Ngã 3 đường 36m vào TTHC huyện	Hết cầu Mương Cầu	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mương Cầu	1,100	270	160	
4	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Tiếp giáp đầu cầu Mương Cầu	Hết cầu Tiên Bình	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mương Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	530	160	110	
5	Đường lên thác Tắc Tinh	Ngã 3 giáp quốc lộ 4D Tỉnh	Hết địa phận nhà máy nước	Đường Tác Tinh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	570	160	110	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6	Đường nội thị	Ngã 3 giáp quốc lộ 4D cũ đi Bàn Hòn, Khun Há + 500m	Ngã 3 đường vào bản Nà Đôn	Đường Lương Định Của	Đầu đường	Cuối đường	550	160	110	
7	Đường 36m vào trung tâm hành chính, chính trị huyện	Tiếp giáp quốc lộ 4D cũ	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	1,800	380	220	
8	Đường 36 m	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	770	210	160	
9	Đường 36 m	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường số 6	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1,300	360	170	
10	Đường 36m	Tiếp giáp đường số 6	Hết ngã 4 đường 36	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	1,700	380	180	
11	Đường 36m	Tiếp giáp ngã 4 đường 36	Tiếp giáp ngã 3 quốc lộ 4D cũ (CATT)	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	1,700	380	180	
12	Đường 36m	Tiếp giáp ngã 3 quốc lộ 4D cũ (CATT)	Hết địa phận thị trấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn	1,600	380	180	
13	Đường 11,5m	Hết khu TĐC Thác Cạn cũ	Ngã ba bản Bình Luông	Phó Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	530			
14	Đường 11,5m	Hết khu TĐC Thác Cạn cũ	Ngã ba bản Bình Luông	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	530			
15	Đường 11,5m	Hết khu TĐC Thác Cạn cũ	Ngã ba bản Bình Luông	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tình	530			
16	Đường 20,5m khu TĐC Thác Cạn	Đầu đường	Cuối đường	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	840			
17	Đường 20,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	980			
18	Đường 20,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	980			
19	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	840			
20	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	840			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
21	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	840			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
22	Đường 13,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	770			
23	Đường 11m (khu TTHC huyện)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	690			
24	Đường 11m khu TĐC công an huyện	Đầu đường	Cuối đường	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	360			
25	Đường số 6 (15,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	770	210	130	
26	Đường số 7 (15,5m)	Tiếp giáp Quốc lộ 4D	Tiếp giáp đường 36m tránh 4D	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	910	230	130	
27	Đường 11,5 m	Khu tái định cư Sân vận động huyện	Khu tái định cư Công an huyện	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	340			
28	Đường số 8	Tiếp giáp đường số 7	Nhánh rẽ xuống chợ Bình Lư	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	770			
29	Đường nội thị	Đoạn giáp đường xuống Đội thuế liên xã thị trấn	Tiếp giáp đường 36m	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	770			
30	Đường nội thị (khu F5,F6)			Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1,000			
31	Đường 6A (11 m)	Tiếp giáp đường 36 m (Khu công ty Đất hiếm)	Tiếp giáp đường số 5 khu TTHC	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	840			
32	Đường nội thị (Đoạn đường xuống Đội thuế cũ liên xã thị trấn)	Tiếp giáp đường 8 (Khu TTTM)	Tiếp giáp đường 4D cũ	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	770	280	220	
33	Đường nội thị khu trung tâm thương mại huyện (Khu F8)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1,400			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
34	Đường nội thị khu trung tâm thương mại huyện (Khu F9)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	1,500			
35	Đường nội thị khu trung tâm thương mại huyện (Khu F12)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	1,500			
36	Đường số 7 khu TTHC GD huyện	Tiếp giáp đường 36m (khu nhà ông Tuyền)	Tiếp giáp đường 11,5 m lên bản Bình Luông	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Tác Tinh	580	170	110	
37	Đường số 8 khu TTHC GD huyện	Tiếp giáp đường 36m vào khu TTHC-CT	Tiếp giáp đường số 6(15,5 m)	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1,400	360	220	
38	Đường số 9 khu TTHC GD huyện (Tiếp giáp đường lên thác Tác Tinh)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tinh	Phố Tổ Hữu	370	150	110	
39	Đường số 9 khu TTHC GD huyện (Tiếp giáp đường lên thác Tác Tinh)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Tổ Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tinh	370	150	110	
40	Đường nội thị 11,5m (Khu tái định cư Hồ thủy lợi và nuôi trồng thủy sản Cò Lả)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	910			
II.4	HUYỆN SÌN HỒ									
1	Đường nội thị	Ranh giới đất trường mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	Không đổi	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khính	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	240	130	90	
2	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Khoa - Viễn	Hết công trường THCS thị trấn	Không đổi	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết công trường THCS thị trấn	330	170	110	Thay đổi điểm đầu

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Đường nội thị giáp đánh nhà phía tây chợ	Ranh giới đất nhà ông Võ - Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Ngọt - Lê	Không đổi	Ranh giới đất nhà ông Võ - Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Đình - Cấp	380	210	120	điểm cuối
4	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Châu	Tiếp giáp đường B1 GĐ 2	Phố Chu Văn An	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	520	250	160	Thay đổi tên đường, điểm đầu, điểm cuối
5	Đường nội thị	Ranh giới đất trường mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Khoa - Viễn	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	520	270	180	
6	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	840	500	210	
7	Đường nội thị	Cổng phòng Tài chính	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	840	500	210	Thay đổi tên đường
				Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	840	500	210	
8	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Lai	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Lai	670	320	180	
9	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC huyện	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC huyện	670	320	180	
10	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	670	320	180	
11	Đường nội thị	Cổng phòng Tài chính qua Chi cục Thuế huyện	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Phố Vũ A Dĩnh	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	520	270	180	
12	Đường nội thị	Cổng trường PTDT Nội trú huyện	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện huyện)	520	270	180	
				Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú huyện	520	270	180	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
13	Đường lên Huyện đội	Ranh giới đất khu tập thể Ngân hàng NN-PTNT	Hết ranh giới đất nhà ông Đình	Phố Nguyễn Việt Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Đình	280	180	110	Thay đổi tên đường
14	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐTĐC huyện	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐTĐC huyện	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	380	210	120	
15	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất ông Long-Thanh	Tiếp giáp đường B1-giai đoạn 2	Phố Lê Duẩn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	410	220	130	
16	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ba	Tiếp giáp đường B1-giai đoạn 1	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đôi điện chợ cũ)	380	210	120	
17	Đường B1 GĐ 1	Tiếp giáp ranh giới đất Khách sạn Thanh Bình	Hết cổng Bệnh viện	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	660	430	240	
18	Đường B1 GĐ 2	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Tiếp giáp ngã 4 đường đi Hoàng Hồ	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	570	290	200	
19	Đường B1 GĐ 2	Ngã tư đường đi Hoàng Hồ	Tiếp giáp tỉnh lộ 128	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	520	250	160	
20	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Tiếp giáp đường vành đai	Phố Vũ A Đình	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	390	220	120	
21	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Xuân	Tiếp giáp Trạm điện (cũ)	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	380	210	120	
22	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Từ	Hết ranh giới đất nhà ông Triều-Sơ	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Từ	Hết ranh giới đất nhà ông Triều-Sơ	340	170	110	
23	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Triều-Sơ	Hết ranh giới đất kho mìn Nông nghiệp	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Triều-Sơ	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)	290	150	100	
24	Đường nội thị	Ngã 4 đường đi Hoàng Hồ (Tiếp giáp đường B1 giai đoạn 2)	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đường đi bản Hoàng Hồ)	Phố Lê Duẩn	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (Đầu cầu Hoàng Hồ)	340	160	110	
25	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai	Tiếp giáp ngã 3 đường lên Trung tâm GDTX huyện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba-đường vào xã Tả Phìn)	280	150	100	
26	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Sun-Hà	Tiếp giáp đường vành đai	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	240	130	90	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
27	Đường vành đai	Tiếp giáp tỉnh lộ 129	Tiếp giáp tỉnh lộ 128	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Lai Châu)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa)	220	130	80	
28	Đường nội thị	Tiếp giáp đường B1 giai đoạn 1	Hết bản Sin Hồ Vây	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sin Hồ Vây	240	130	90	
29	Đường nội thị	Tiếp giáp đường B1 giai đoạn 1	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	660	430	240	
30	Đường Hạ tầng du lịch	Trạm Y tế	Đường Vành đai	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	220	130	80	
31	Đường Hạ tầng du lịch	Trạm Y tế	Đường Vành đai	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	220	130	80	
II.5 HUYỆN PHONG THỎ										
1	Quốc lộ 4D	Đoạn từ Km0	Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	Đường Điện Biên Phủ	Đoạn từ Km0	Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	1,700			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
2	Quốc lộ 4D	Đoạn từ Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	Km1+600	Đường Điện Biên Phủ	Đoạn từ Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	Km1+600	1,400	910		
3	Quốc lộ 12	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	770	360	200	
4	Quốc lộ 12	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	1,300			
5	Quốc lộ 12	Từ cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	Đường Điện Biên Phủ	Từ cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	1,800			
6	Quốc lộ 12	Từ Km 20+200	Km21 (Hết bệnh viện)	Đường Điện Biên Phủ	Từ Km 20+200	Km21 (Hết bệnh viện)	1,400	910	370	
7	Quốc lộ 12	Từ Km 21	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ)	Đường Điện Biên Phủ	Từ Km21	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ)	840	360	180	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Khu dân cư phía Nam									
8	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Phố Bể Văn Đàn	Đường Điện Biên Phủ	Đường Điện Biên Phủ	1,100			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
9	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	- Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1,100			
10	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	- Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1,100			
11	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	- Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1,100			
12	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Chương	Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1,100			
13	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1,100			
14	Đường nội thị dãy 2	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vũ A Dĩnh	910			
15	Đường nội thị dãy 3	Đầu đường	Cuối đường	Phố Vũ A Dĩnh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	770			
16	Đường nội thị dãy 3	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	Đầu đường	Cuối đường	770			
	Khu dân cư phía Bắc									
17	Đường nội thị (9,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Đầu đường	Cuối đường	1,100			Thay đổi
18	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Tô Vĩnh Diện	Đầu đường Đường Võ Nguyên Giáp	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp	1,100			
19	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Trần Can	Đầu đường Đường Võ Nguyên Giáp	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp	1,100			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
20	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Phan Đình Giót	Phố Trần Can	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp (giáp cầu Hòa Bình)	1,100			tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
21	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Thanh Niên	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp (giáp cầu Hòa Bình)	Cầu Pa So	1,100			
22	Đường nội thị (20,5m và 22,5m)	Cầu Pa So	Cầu nội thị mới	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1,400			
23	Đường nội thị (11,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Nguyên Giáp	1,100			
24	Đường nội thị (11,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Nguyên Giáp	1,100			
25	Đường nội thị (Khu vực trường nội trú)	Tiếp giáp QL 12 (huyện dôi)	Tiếp giáp QL 12 (Công an huyện)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12 (huyện dôi)	Tiếp giáp QL12 (Công an huyện)	770			
II.6	HUYỆN NẬM NHÙN									
1	Tỉnh lộ 127	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Hết cầu Nậm Dòn	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Hết cầu Nậm Dòn	250	180	130	
2	Tỉnh lộ 127	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường 36 m	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	310	220	150	
3	Tỉnh lộ 127	Tiếp giáp đường 36 m	Hết cầu Nậm Hàng	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Hết cầu Nậm Hàng	420	350	210	
4	Tỉnh lộ 127	Hết cầu Nậm Hàng	Hết cầu Nậm Nhùn	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	420	350	210	
5	Tỉnh Lộ 127 (đường n	Ngã ba đầu cầu Nậm Nhùn đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng (đi huyện Mường Tè)	240	170	120	
6	Đường nội thị	Ngã ba đầu cầu Nậm Nhùn đi bản Noong Kiêng	Ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	210	140	110	
7	Đường nội thị	Ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng (đi bản Nậm Cây)	210	160	120	
8	Đường nội thị	Ngã ba đi bản Nậm Hàng	Tiếp giáp địa phận bản Nậm Hàng	Đường Lò Văn Hạc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	240	170	140	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
9	Đường nội thị	Ngã ba đi bán Noong Kiêng, Nậm Cáy	Hết nhà văn hóa bán Noong Kiêng	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bán Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bán Noong Kiêng	150	130	90	Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
10	Đường 36	Từ nhà Ông Vàng Văn Tiến	Tiếp giáp đất ông Hoàng Ngọc Khải	Đường Lê Thái Tổ	Từ Nhà ông Vàng Văn Tiến	Tiếp giáp đất ông Hoàng Ngọc Khải	420	350	210	
11	Đường 36	Cổng trường THPT	Khu trung tâm hành chính huyện	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính huyện	420	350	210	
12	Đường Càng nghiêng	Tiếp giáp tỉnh lộ 127 (nhà ông Lê Hồng Chiến)	Đường bến cảng nghiêng	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	170	120	100	
13	Đường Càng nghiêng	Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp ngã 3 đường 127 (Gần đầu cầu Nậm Nhùn)	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	160	110	100	
14	Đường D1	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	630	500	380	
15	Đường D2	Tiếp giáp đường nội thị N1	Tiếp giáp đường 36 m	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	530	420	320	
16	Đường D3	Đầu đường	Cuối đường	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	430	320	230	
17	Đường nội thị N5	Nhà nghỉ Phương Huyền	Phan Văn Cốc	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	480	380	290	
18	Đường nội thị	Từ sau nhà văn hóa bán Pa Kéo 1	Sau nhà nghỉ Phương Huyền	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phương Huyền	480	380	290	
19	Đường nội thị	Tiếp giáp đường D3	Sau trường THCS	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn	480	380	290	
20	Đường nội thị	Tiếp giáp tỉnh lộ 127	Đền qua ĐTH + 500m	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua dải truyền hình +500m	240	170	140	
21	Đường nội thị	Cầu Nậm Nhùn	Cầu Nậm Manh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	210	140	110	
22	Đường nội thị	Cầu Nậm Manh	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh	160	110	100	
23	Đường nội thị N1	Tiếp giáp đường 36 m	Cầu Nậm Bắc	Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	530	420	320	
II.7	HUYỆN MUÔNG TÈ									

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đường nội thị (QL 4H)	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bên xe khách huyện	770	420	300	Thay đổi tên đường, điểm đầu, điểm cuối STT 01
2	Đường nội thị (QL 4H)	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bên xe khách huyện	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	630	390	330	Thay đổi tên đường, điểm đầu, điểm cuối STT 02
3	Đường nội thị (QL4H)	Tiếp giáp bên xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bên xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	630	390	330	Thay đổi tên đường
4	Đường nội thị (QL4H)	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa	530	350	320	
5	Đường nội thị (QL4H)	Nhà ông Quang Thiệu	Hết nhà ông Linh	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiệu	Hết nhà ông Linh	700	400	320	
6	Đường nội thị	Ngã tư khu phố 8	Hết ranh giới công ty Thương Mại	Đường Chu Văn An	Giao với đườngĐiện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	700	400	320	
7	Đường nội thị	Ngã tư khu phố 8	Trụ sở UBND huyện	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	700	400	320	
8	Đường nội thị	Sau Công ty THHH MTV số 15	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Phú	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	700	400	320	
9	Đường nội thị	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã ba Bến xe khách	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	700	400	320	
				Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	700	400	320	
10	Đường nội thị (QL4H)	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiệu	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiệu	700	400	320	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
11	Đường nội thị	Sau công ty Thương Mại	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp khu phố 9	530	350	320	
12	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Dũng Hạnh	Đến bờ kè tam cấp	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đến bờ kè tam cấp	530	350	320	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
13	Đường vòng qua Đảo	Tiếp giáp với công ty Thương Mai	Tiếp giáp Đài truyền hình	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mai	Tiếp giáp Đài truyền hình	670	390	320	Thay đổi tên đường
14	Đường nội thị	Phía sau cây xăng Bảo Toàn	Trước cửa nhà ông Đại	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	530	350	320	
15	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Bắc	Hết ranh giới đất TTGDTX huyện	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX huyện	530	350	320	
16	Đường nội thị	Ranh giới đất NH chính sách	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự huyện	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự huyện	530	350	320	
17	Đường nội thị	Phía sau Công ty Thương Mai	Hết gianh giới nhà ông Sách	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa khu 2	530	350	320	
18	Đường nội thị	Phía sau nhà bà Gấm	tiếp giáp Trung tâm dạy nghề	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	530	350	320	
19	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Hải	Hết ranh giới đất nhà VH khu 5	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH khu phố 3	530	350	320	
20	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Phà	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Po	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	530	350	320	
21	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Phong- Thủy	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn	530	350	320	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
				Đường nội thị	Trường THCS thị trấn	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	530	350	320	
22	Đường nội thị	Phía sau nhà ông Lưu Dung	Hết ranh giới đất Trạm BVTV (cũ)	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	530	350	320	
23	Đường nội thị	Phía sau nhà bà Vin	Hết ranh giới đất Quán phố mới	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	420			
24	Đường nội thị	Giáp vị trí 1 đường đôi	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu	420			
25	Đường nội thị (đường giáp núi)	Ngã ba giáp khu TĐC phía Đông Nam thị trấn	Ngã ba đi trung tâm xã Vang San	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tam giác công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	420			Thay đổi tên đường
26	Đường nội thị	Tiếp giáp cầu Nậm Cầu	Tiếp giáp NVH khu phố 12	Đường nội thị	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp NVH khu phố 12	800	420	340	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
27	Đường nội thị (Đường giáp núi)	Ngã ba giáp khu TĐC phía Đông Nam thị trấn	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	420	320	250	Thay đổi tên đường
28	Đường nội thị	Đầu cầu TĐC khu phố 1	Hết ranh giới trường tiểu học (Khu 11)	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn)	700	400	330	
29	Đường 32m	Giáp đất nhà bà Hoa Anh	Ngã ba đi cầu TĐC khu phố 1	Đường Võ Nguyên Giáp	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa-Anh)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	1,000			
30	Đường nội thị	Ngã ba cầu Mường Tè 1	Trung tâm y tế huyện	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế huyện	530	350	320	
31	Đường nội thị (Khu tái định cư đồng nam thị trấn)	Từ nhà ông Phiến	Ngã ba đi Vàng San	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	910	490	390	
32	Đường nội thị (Khu tái định cư đồng nam thị trấn)	Ngã ba phía sau nhà ông Thọ	Hết đất nhà bà Châm	Phố Cù Chính Lan	Phố Lê Đại Hành	Đường Nậm Bum	910	490	390	
33	Đường nội thị nhánh B2, B3, B4; nhánh 6 (Khu tái định cư thị trấn)	Ngã tư từ nhà ông Hà	Ngã ba hết đất nhà ông Thảo	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	840	460	360	
34	Đường nội thị nhánh 1 (Khu tái định cư thị trấn)	Ngã ba Ban quản lý rừng phòng hộ trung tâm	Hết đất Công ty THHH MTV số 15	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1,000	520	390	
35	Đường nội thị			Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	700	400	320	
III ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ										
III.1 THÀNH PHỐ LAI CHÂU										
1	Đường 6-13	Tiếp giáp đường 6-3	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	300			
2	Đường 6-3 (17,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường số 11	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	650			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Đường T3 (9,5m)	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	550			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
4	Đường C5	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	750			
5	Đường 5 - 6 (13,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	750			
6	Đường T1	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường T3	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	550			
7	Đường T2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường T3	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	550			
8	Đường T3	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường T1	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	550			
9	Đường T3	Tiếp giáp đường T1	Tiếp giáp đường T2	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	450			
10	Đường số 4 (13,5 m)	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường số 3	Phố Văn Tiền Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	550			
11	Đường số 3	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	550			
12	Đường T4 (9,5 m)	Tiếp giáp phố Lê Lai	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	650			
13	Đường D1	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	450			
14	Đường TN1 (khu dân cư phía Tây Nam)	Tiếp giáp đường 17	Tiếp giáp đường V3	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	450			Gộp đường TN1 và đường N9 (STT 226)
15	Đường N9 (13,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 17							
16	Đường 6 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	600	250	180	
17	Đường V3 (khu dân cư phía Tây Nam)	Tiếp giáp đường TN1	Tiếp giáp đường 10 - 10	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	450			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
18	Đường 1B - 1 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	550			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
19	Đường 8A (13m)	Tiếp giáp đường 6A	Tiếp giáp đường 4A	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp đường quy hoạch 6a	Tiếp giáp đường quy hoạch 4A	750			
20	Đường A-1: A-2 (13,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	550			
21	Đường B12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	550			
22	Đường số 1B-3 (13,5m)	Tiếp giáp đường 30/4	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	550			
23	Đường số 10 (9m)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	550			
24	Đường số 11 (9m)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	550			
25	Đường số 18	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10-10	450			
26	Đường số L4	Tiếp giáp đường L2	Tiếp giáp đường R13	Phố Nguyễn Tuân	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	450			
27	Đường số 17	Tiếp giáp đường N6	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	450			Gộp đường 17 và đường N6 (STT 226)
28	Đường N6	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 17							
29	Đường vào nhà máy chè	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường	Đường vào nhà máy chè	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp công nhà máy chè	300	210	150	Thay đổi điểm cuối
30	Đường nhánh	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh Đại lý YAMAHA)	Tiếp giáp đường vào nhà máy gạch Tuynel (cũ)	Ngõ 368 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (cạnh Đại lý YAMAHA)	Tiếp giáp đường vào nhà máy gạch Tuynel (cũ)	360	190	130	Thay đổi tên ngõ
31	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường 6-13	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	900			
32	Đường A6, A9 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11	Đường A6, A9 (9m)	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	550			
33	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường số 10	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	550			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
34	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	750			Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
35	Phố Trần Quốc Toàn	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	Phố Trần Quốc Toàn	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	750			
36	Phố Nguyễn Tri Phương	Tiếp giáp đường 5C	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	Phố Nguyễn Tri Phương	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	750			
37	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường 5C	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	1,400			
38	Đường quy hoạch (13,5m sau Ngân hàng Công thương)	Tiếp giáp đường 28-06	Tiếp giáp đường 5C	Đường T1	Tiếp giáp đường 28-06	Tiếp giáp phố Thành Công	750			
39	Phố Cao Bá Quát (Đường T1-13,5m)	Tiếp giáp đường T3 (9,5m)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Phố Cao Bá Quát (Đường T1-13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	750			
40	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp đường 6-3	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	550			
41	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp đường 6-3	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	550			
42	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường 6-6	Tiếp giáp đường 6-8	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	360	180	130	
43	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường số 3	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	800			
44	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp đường số 4 (13,5m)	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiên Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	450			
45	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường N6	Tiếp giáp đường N9	Đường N8 (13,5m)	Tiếp giáp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	450			
46	Đường V1 (13,5m)	Tiếp giáp đường số 17	Tiếp giáp đường N2	Đường V1 (13,5m)	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp đường N2	450			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
47	Đường N2 (13,5m)	Tiếp giáp đường N4	Tiếp giáp đường TN1	Đường N2 (13,5m)	Tiếp giáp đường N4	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	450			
48	Đường N3	Tiếp giáp đường số 17	Tiếp giáp đường N2	Đường N3	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp đường N2	450			
49	Đường T2 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường T6	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	650			
50	Đường T6 (9,5m)	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	650			
51	Đường N5 (11,5m)	Tiếp giáp đường D7	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Phố Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	650			
52	Đường D7 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	800			
53	Đường số 5-8 (11,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	750			
54	Đường số 5-9 (11,5m)	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	750			
55	Đường số 5-4 (11,5m)	Tiếp giáp Phố Mường K	Tiếp giáp phố Hương Phong	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường K	Tiếp giáp phố Hương Phong	650			
56	Đường 11A (11,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Phố Nguyễn Văn Tổ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	650			
57	Đường 7A (24m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1,000			
58	Đường 3A (9m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	750			
59	Đường 6A (13,5m)	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	750			
60	Đường nhánh số 1	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường số 9 (Đối diện Công an tỉnh)	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	400			
61	Đường số 9 (Đối diện Công an tỉnh)	Tiếp giáp đường nhánh số 1	Tiếp giáp đường nhánh số 3				450			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
62	Đường A18	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	Phố Nguyễn Huy Tường	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	550			Thay đổi tên đường
63	Đường A12 (9m)	Tiếp giáp đường A2	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	550			
64	Đường A13 (9m)	Tiếp giáp đường A2	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	550			
65	Đường A2 (Khu dân cư 1B)	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	550			
66	Đường 13,5m mới	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp tuyến số 2	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	450			
67	Tuyến số 2	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài 122m	Tiếp giáp phố Nguyễn Phong Sắc			Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	450			
68	Tuyến số 2	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	450			
69	Đường A6 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	550			
70	Đường A9 (9m)	Tiếp giáp đường số 10	Tiếp giáp đường số 11	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	550			
71	Đường N4 (13m)	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường D3	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp phố Nguyễn Thiện Thuật	750	270	170	
72	Đường D11 (13m)	Tiếp giáp đường N10	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	750			
73	Đường số 9 (13,5)	Tiếp giáp đường N16	Tiếp giáp đường D13A	Phố Nam Na	Tiếp giáp Phố Mường Thôn	Tiếp giáp đường N16	650			
74	Đường N9 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	750			
75	Đường N10 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	750			
76	Đường V3 (5m)	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	650			
77	Đường D3 (13m)	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường N5	Phố Nguyễn Thiện Thuật	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Trần Cao Vân	750	270	170	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
78	Đường D4 (13m)	Tiếp giáp đường Huỳnh	Tiếp giáp đường N4	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh T	Tiếp giáp phố Lê Văn Thiêm	750			
79	Đường N5 (13m)	Tiếp giáp đường Huỳnh	Tiếp giáp đường D4	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh T	Phố Phan Đình Phùng	750	270	170	
80	Đường N3 (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Q	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Chu Văn	Tiếp giáp đường Ngô Q	900			
81	Phố Nguyễn Phong Sắc	Tiếp giáp đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp tuyến số 2	Phố Nguyễn Phong Sắc	Tiếp giáp đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	450			
82	Đường số 5-12 (13,5	Tiếp giáp Đường 5-8	Tiếp giáp Đường 5-9	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	750			Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
83	Đường 8A (13m)	Tiếp giáp đường 6A	Tiếp giáp đường 4A	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xu	Tiếp giáp đường 4A	750			Thay đổi tên đường
84	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp đường 3A	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	900			Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
85	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp đường D7	Tiếp giáp đường N5	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiến	650			
86	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Q	Tiếp giáp đường V3	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Nguyễn	750			
87	Phố Trương Định	Tiếp giáp đường V3	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Ca	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	650			
88	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường V3	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn	650			
89	Đường nhánh số 2,3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường số 9 (Đôi diện Công an tỉnh)	Đường nhánh số 2,3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn	400			
90	Đường Lò Văn Hạc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường T3 (9,5m)	Đường Lò Văn Hạc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	800			
III.2 HUYỆN TÂN UYÊN										
1	Đường nhánh Quốc lộ 32		Đến cổng Bệnh viện mới	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	550	300	230	Thay đổi điểm cuối
2	Quốc lộ 32	Phía Bắc cầu Huôi Chằng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huôi Chằng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	1,500	900	750	Thay đổi

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	1,100	700	550	điểm đầu, điểm cuối
4	Quốc lộ 32	Phía Nam cầu Huổi Chăng Noi	Hết ranh giới đất Chi cục thuế	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Noi	Hết ranh giới đất Chi cục thuế	1,200	700	550	Thay đổi tên đường
5	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất Chi cục thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Thân Thuộc)	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Chi cục thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Thân Thuộc)	1,100	700	550	
6	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn (Giáp xã Phúc Khoa)	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn (Giáp xã Phúc Khoa)	430	260	210	
7	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Ngã tư điểm trường mầm non khu 21	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sản vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	430	260	210	
8	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	430	260	210	
9	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ đi Trường mầm non Phương Trang	Tiếp giáp đường nội thị	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	430	260	210	
10	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Cầu qua suối đi Nà Ban	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	350	240	160	
11	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ từ Bưu điện	Tiếp giáp đường Bệnh viện mới	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	380	260	170	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
12	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Công nghĩa trang nhân dân	Phố Vũ A Dĩnh	Đường Lê Lợi (Km381+990)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên	350	240	160	
				Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên	Công nghĩa trang nhân dân	350	240	160	
13	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 32)	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	380	240	160	
14	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Kè suối Nậm Chăng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	380	240	160	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ	Luông (Khu 26)	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tồ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	380	240	160	Thay đổi tên đường
15	Nhánh Quốc lộ 32	Trụ sở tạm và nhà công vụ huyện Tân Uyên	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	290	200	140	
16	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	280	190	130	
17	Đường nội thị	(Tiếp giáp Quốc lộ 32 (Đổi diện trường THCS thị trấn Tân Uyên)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tồ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	430	260	210	
18	Đường nhánh nội thị	Ngã tư điểm trường mầm non khu 21	Cuối đường bê tông khu 17	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	230	190	120	
19	Đường nhánh nội thị còn lại	Tiếp giáp đường nội thị	Cuối đường	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	200	140	110	
				Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung đô thị Thị trấn Tân Uyên	200	140	110	
				Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	200	140	110	
20	Đường xung quanh Chợ			Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	800			
				Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	800			
21	Các tổ: 1, 3, 7			Phố Lương Đình Cúa	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	210	120	90	
22	Nhánh Quốc lộ 32	Chi cục thuế huyện đi bờ hồ	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT Nội trú huyện	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	500			
23	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ đi Trường mầm non số 01	Tiếp giáp trường THPT Nội trú huyện	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú huyện	500			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
24	Nhánh Quốc lộ 32	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện	Hết ranh giới đất Trung tâm viên thông huyện	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyến)	Hết ranh giới đất Trung tâm viên thông huyện	500			
25	Nhánh Quốc lộ 32	Công an huyện	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê huyện	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê huyện	500			
26	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện			Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	400			
				Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	400			
				Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	400			
				Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	400			
III.3 HUYỆN TAM ĐƯỜNG										
1	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Ngã 3 Công an thị trấn	Ngã 3 đường đi Bán Hon, Khun Há	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	1,100	230	160	
2	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Tiếp giáp ngã 3 đường đi Bán Hon, Khun Há	Hết ngã 3 đường 36m vào TTHC huyện	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	1,100	270	150	
3	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Ngã 3 đường 36m vào TTHC huyện	Hết cầu Mương Cầu	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mương Cầu	800	190	120	
4	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Tiếp giáp đầu cầu Mương Cầu	Hết cầu Tiên Bình	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mương Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	380	120	80	
5	Đường lên thác Tắc Tinh	Ngã 3 giáp quốc lộ 4D	Hết địa phận nhà máy nước	Đường Tác Tinh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	410	120	80	
6	Đường nội thị	Ngã 3 giáp quốc lộ 4D cũ đi Bán Hon, Khun Há + 500m	Ngã 3 đường vào bản Nà Đon	Đường Lương Định Của	Đầu đường	Cuối đường	390	120	80	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7	Đường 36m vào trung tâm hành chính, chính trị huyện	Tiếp giáp quốc lộ 4D cũ	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	1,300	270	160	
8	Đường 36 m	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	550	150	120	
9	Đường 36 m	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường số 6	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	900	260	120	
10	Đường 36m	Tiếp giáp đường số 6	Hết ngã 4 đường 36	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	1,200	270	130	
11	Đường 36m	Tiếp giáp ngã 4 đường 36	Tiếp giáp ngã 3 quốc lộ 4D cũ (CATT)	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	1,200	270	130	
12	Đường 36m	Tiếp giáp ngã 3 quốc lộ 4D cũ (CATT)	Hết địa phận thị trấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn	1,200	270	130	
13	Đường 11,5m	Hết khu TĐC Thác Cạn cũ	Ngã ba bản Bình Luông	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	380			
14	Đường 11,5m	Hết khu TĐC Thác Cạn cũ	Ngã ba bản Bình Luông	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	380			
15	Đường 11,5m	Hết khu TĐC Thác Cạn cũ	Ngã ba bản Bình Luông	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tình	380			
16	Đường 20,5m khu TĐC Thác Cạn	Đầu đường	Cuối đường	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	600			
17	Đường 20,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	700			
18	Đường 20,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	700			
19	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	600			
20	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	600			
21	Đường 15,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	600			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
22	Đường 13,5m khu TTHC huyện	Đầu đường	Cuối đường	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	550			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
23	Đường 11m (khu TTHC huyện)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	500			
24	Đường 11m khu TĐC công an huyện	Đầu đường	Cuối đường	Phố Xuân Diêu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	260			
25	Đường số 6 (15,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	550	150	90	
26	Đường số 7 (15,5m)	Tiếp giáp Quốc lộ 4D	Tiếp giáp đường 36m tránh 4D	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	650	170	90	
27	Đường 11,5 m	Khu tái định cư Sân vận động huyện	Khu tái định cư Công an huyện	Phố Xuân Diêu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	240			
28	Đường số 8	Tiếp giáp đường số 7	Nhánh rẽ xuống chợ Bình Lư	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	550			
29	Đường nội thị	Đoạn giáp đường xuống Đội thuế liên xã thị trấn	Tiếp giáp đường 36m	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	550			
30	Đường nội thị (khu F5,F6)			Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	700			
31	Đường 6A (11 m)	Tiếp giáp đường 36 m (Khu công ty Đất hiếm)	Tiếp giáp đường số 5 khu TTHC	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	600			
32	Đường nội thị (Đoạn đường xuống Đội thuế cũ liên xã thị trấn)	Tiếp giáp đường 8 (Khu TTTM)	Tiếp giáp đường 4D cũ	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	550	200	160	
33	Đường nội thị khu trung tâm thương mại huyện (Khu F8)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1,000			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
34	Đường nội thị khu trung tâm thương mại huyện (Khu F9)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	1,100			
35	Đường nội thị khu trung tâm thương mại huyện (Khu F12)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	1,100			
36	Đường số 7 khu TTHC GD huyện	Tiếp giáp đường 36m (khu nhà ông Tuyền)	Tiếp giáp đường 11,5 m lên bản Bình Luông	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Tác Tinh	420	120	80	
37	Đường số 8 khu TTHC GD huyện	Tiếp giáp đường 36m vào khu TTHC-CT	Tiếp giáp đường số 6(15,5 m)	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1,000	260	160	
38	Đường số 9 khu TTHC GD huyện (Tiếp giáp đường lên thác Tác Tinh)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tinh	Phố Tổ Hữu	270	110	80	
39	Đường số 9 khu TTHC GD huyện (Tiếp giáp đường lên thác Tác Tinh)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Tổ Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tinh	270	110	80	
40	Đường nội thị 11,5m (Khu tái định cư Hồ thủy lợi và nuôi trồng thủy sản Cò Lả)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	650			
III.4	HUYỆN SÌN HỒ									
1	Đường nội thị	Ranh giới đất trường mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	Không đổi	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khinh	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	170	90	70	
2	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Khoa - Viễn	Hết cổng trường THCS thị trấn	Không đổi	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS thị trấn	240	120	80	Thay đổi điểm đầu,

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Đường nội thị giáp dân nhà phía tây chợ	Ranh giới đất nhà ông Võ - Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Ngọt - Lê	Không đổi	Ranh giới đất nhà ông Võ - Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Đình - Cáp	270	150	90	điểm cuối
4	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Châu	Tiếp giáp đường B1 GĐ 2	Phố Chu Văn An	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	370	180	120	Thay đổi tên đường, điểm đầu, điểm cuối
5	Đường nội thị	Ranh giới đất trường mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Khoa - Viễn	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	370	190	130	
6	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	600	360	150	
7	Đường nội thị	Cổng phòng Tài chính	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	600	360	150	
				Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	600	360	150	
8	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Lai	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Lai	480	230	130	
9	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC huyện	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC huyện	480	230	130	
10	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	480	230	130	
11	Đường nội thị	Cổng phòng Tài chính qua Chi cục Thuế huyện	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Phố Vũ A Dinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	370	190	130	
12	Đường nội thị	Cổng trường PTDT Nội trú huyện	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện huyện)	370	190	130	Thay đổi điểm đầu, điểm cuối
				Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú huyện	370	190	130	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
13	Đường lên Huyện đội	Ranh giới đất khu tập thể Ngân hàng NN-PTNT	Hết ranh giới đất nhà ông Đình	Phố Nguyễn Việt Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Đình	200	130	80	Thay đổi tên đường
14	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐTĐC huyện	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐTĐC huyện	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	270	150	90	
15	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất ông Long-Thanh	Tiếp giáp đường B1-giai đoạn 2	Phố Lê Duẩn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	300	160	90	
16	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ba	Tiếp giáp đường B1-giai đoạn 1	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đôi điện chợ cũ)	270	150	90	
17	Đường B1 GĐ 1	Tiếp giáp ranh giới đất Khách sạn Thanh Bình	Hết cổng Bệnh viện	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	470	310	170	
18	Đường B1 GĐ 2	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Tiếp giáp ngã 4 đường đi Hoàng Hồ	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	410	210	150	
19	Đường B1 GĐ 2	Ngã tư đường đi Hoàng Hồ	Tiếp giáp tỉnh lộ 128	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	370	180	120	
20	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Tiếp giáp đường vành đai	Phố Vũ A Đình	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	280	160	90	
21	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Xuân	Tiếp giáp Trạm điện (cũ)	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	270	150	90	
22	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Từ	Hết ranh giới đất nhà ông Triều-Sơ	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Từ	Hết ranh giới đất nhà ông Triều-Sơ	240	120	80	
23	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Triều-Sơ	Hết ranh giới đất kho mìn Nông nghiệp	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Triều-Sơ	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)	210	110	70	
24	Đường nội thị	Ngã 4 đường đi Hoàng Hồ (Tiếp giáp đường B1 giai đoạn 2)	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đường đi bản Hoàng Hồ)	Phố Lê Duẩn	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (Đầu cầu Hoàng Hồ)	240	120	80	
25	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai	Tiếp giáp ngã 3 đường lên Trung tâm GDTX huyện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba-đường vào xã Tả Phìn)	200	110	70	
26	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Sun-Hà	Tiếp giáp đường vành đai	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	170	90	70	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
27	Đường vành đai	Tiếp giáp tỉnh lộ 129	Tiếp giáp tỉnh lộ 128	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Lai Châu)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa)	160	90	60	
28	Đường nội thị	Tiếp giáp đường B1 giai đoạn 1	Hết bản Sin Hồ Vây	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sin Hồ Vây	170	90	70	
29	Đường nội thị	Tiếp giáp đường B1 giai đoạn 1	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	470	310	170	
30	Đường Hạ tầng du lịch	Trạm Y tế	Đường Vành đai	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	160	90	60	
31	Đường Hạ tầng du lịch	Trạm Y tế	Đường Vành đai	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	160	90	60	
III.5 HUYỆN PHONG THỎ										
1	Quốc lộ 4D	Đoạn từ Km0	Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	Đường Điện Biên Phủ	Đoạn từ Km0	Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	1,200			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
2	Quốc lộ 4D	Đoạn từ Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	Km1+600	Đường Điện Biên Phủ	Đoạn từ Km1+300 (Nhà hàng Duyên Số)	Km1+600	1,000	650		
3	Quốc lộ 12	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	550	260	140	
4	Quốc lộ 12	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	900			
5	Quốc lộ 12	Từ cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	Đường Điện Biên Phủ	Từ cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	1,300			
6	Quốc lộ 12	Từ Km 20+200	Km21 (Hết bệnh viện)	Đường Điện Biên Phủ	Từ Km 20+200	Km21 (Hết bệnh viện)	1,000	650	270	
7	Quốc lộ 12	Từ Km 21	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ)	Đường Điện Biên Phủ	Từ Km21	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ)	600	260	130	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Khu dân cư phía Nam									
8	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Phố Bể Văn Đàn	Đường Điện Biên Phủ	Đường Điện Biên Phủ	800			Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
9	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	- Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	800			
10	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	- Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	800			
11	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	- Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	800			
12	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Chương	Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	800			
13	Đường nội thị dãy 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	800			
14	Đường nội thị dãy 2	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vũ A Dĩnh	650			
15	Đường nội thị dãy 3	Đầu đường	Cuối đường	Phố Vũ A Dĩnh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	550			
16	Đường nội thị dãy 3	Đầu đường	Cuối đường	Đường Chu Văn An	Đầu đường	Cuối đường	550			
	Khu dân cư phía Bắc									
17	Đường nội thị (9,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Đầu đường	Cuối đường	750			Thay đổi
18	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Tô Vĩnh Diện	Đầu đường Đường Võ Nguyên Giáp	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp	750			
19	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Trần Can	Đầu đường Đường Võ Nguyên Giáp	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp	750			

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
20	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Phan Đình Giót	Phố Trần Can	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp (giáp cầu Hòa Bình)	750			tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
21	Đường nội thị (10,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Đường Thanh Niên	Cuối đường Đường Võ Nguyên Giáp (giáp cầu Hòa Bình)	Cầu Pa So	750			
22	Đường nội thị (20,5m và 22,5m)	Cầu Pa So	Cầu nội thị mới	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1,000			
23	Đường nội thị (11,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Nguyên Giáp	750			
24	Đường nội thị (11,5m)	Đầu đường	Cuối đường	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Nguyên Giáp	750			
25	Đường nội thị (Khu vực trường nội trú)	Tiếp giáp QL 12 (huyện dôi)	Tiếp giáp QL 12 (Công an huyện)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12 (huyện dôi)	Tiếp giáp QL12 (Công an huyện)	550			
III.6	HUYỆN NẬM NHÙN									
1	Tỉnh lộ 127	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Hết cầu Nậm Dòn	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Hết cầu Nậm Dòn	180	130	90	Thay đổi tên đường theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
2	Tỉnh lộ 127	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường 36 m	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	220	160	110	
3	Tỉnh lộ 127	Tiếp giáp đường 36 m	Hết cầu Nậm Hàng	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Hết cầu Nậm Hàng	300	250	150	
4	Tỉnh lộ 127	Hết cầu Nậm Hàng	Hết cầu Nậm Nhùn	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	300	250	150	
5	Tỉnh Lộ 127 (đường n	Ngã ba đầu cầu Nậm Nhùn đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng (đi huyện Mường Tè)	170	120	90	
6	Đường nội thị	Ngã ba đầu cầu Nậm Nhùn đi bản Noong Kiêng	Ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	150	100	80	
7	Đường nội thị	Ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng (đi bản Nậm Cây)	150	120	90	
8	Đường nội thị	Ngã ba đi bản Nậm Hàng	Tiếp giáp địa phận bản Nậm Hàng	Đường Lò Văn Hạc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	170	120	100	

STT	Tên đường, phố theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh			Tên đường, phố hoặc điểm đầu, điểm cuối điều chỉnh, bổ sung			Giá đất theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019			Ghi chú
	Tên đường, phố	Đoạn đường		Tên đường, phố	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3	
		Từ	đến		Từ	đến				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
9	Đường nội thị	Ngã ba đi bán Noong Kiêng, Nậm Cáy	Hết nhà văn hóa bán Noong Kiêng	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bán Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bán Noong Kiêng	110	90	70	
10	Đường 36	Từ nhà Ông Vàng Văn Tiến	Tiếp giáp đất ông Hoàng Ngọc Khải	Đường Lê Thái Tổ	Từ Nhà ông Vàng Văn Tiến	Tiếp giáp đất ông Hoàng Ngọc Khải	300	250	150	
11	Đường 36	Cổng trường THPT	Khu trung tâm hành chính huyện	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính huyện	300	250	150	
12	Đường Càng nghiêng	Tiếp giáp tỉnh lộ 127 (nhà ông Lê Hồng Chiến)	Đường bến cảng nghiêng	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	120	90	70	
13	Đường Càng nghiêng	Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp ngã 3 đường 127 (Gần đầu cầu Nậm Nhùn)	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	120	80	70	
14	Đường D1	Đầu đường	Cuối đường	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	450	360	270	
15	Đường D2	Tiếp giáp đường nội thị N1	Tiếp giáp đường 36 m	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	380	300	230	
16	Đường D3	Đầu đường	Cuối đường	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	310	230	170	
17	Đường nội thị N5	Nhà nghỉ Phương Huyền	Phan Văn Cốc	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	340	270	210	
18	Đường nội thị	Từ sau nhà văn hóa bán Pa Kéo 1	Sau nhà nghỉ Phương Huyền	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phương Huyền	340	270	210	
19	Đường nội thị	Tiếp giáp đường D3	Sau trường THCS	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn	340	270	210	
20	Đường nội thị	Tiếp giáp tỉnh lộ 127	Đền qua ĐTH + 500m	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua dải truyền hình +500m	170	120	100	
21	Đường nội thị	Cầu Nậm Nhùn	Cầu Nậm Manh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	150	100	80	
22	Đường nội thị	Cầu Nậm Manh	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh	120	80	70	
23	Đường nội thị N1	Tiếp giáp đường 36 m	Cầu Nậm Bắc	Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	380	300	230	